

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

I. Thông tin chung

Học phần: Nguyên lý kế toán	Số tín chỉ: 4
Mã học phần: 71ACCT20014	Mã nhóm lớp học phần: 233_71ACCT20014_01,02
Thời gian làm bài: 90 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> <i>chỉ được sử dụng tài liệu giấy</i> Không <input type="checkbox"/>

Giảng viên nộp đề thi, đáp án

Lần 1

Lần 2

Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO (phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần) Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Vận dụng kiến thức tổng quan kế toán xử lý các tình huống có liên quan	Trắc nghiệm	30%	Câu 1,2,3,4, 5, 6,7,8,9,10	3	PI1.2
CLO 2	Vận dụng qui luật Nợ - Có để xác định sự biến động của các đối tượng kế toán trong từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh	Tự luận	40%	Câu tự luận	4	PI2.2
CLO 3	Thực hiện từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn	Tự luận	30%	Câu tự luận	3	PI8.2

(Phần công bố cho sinh viên)

I. Thông tin chung

Học phần: Nguyên lý kế toán	Số tín chỉ: 4
Mã học phần: 71ACCT20014	Mã nhóm lớp học phần: 233_71ACCT20014_01,02
Thời gian làm bài: 90 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> <i>chỉ được sử dụng tài liệu giấy</i> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/>

II. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm) bao gồm 10 câu, mỗi câu 0.3 điểm

Câu 1 -CLO1- [Dự phòng]

Theo phương trình kế toán mở rộng, một khoản doanh thu được ghi nhận tăng sẽ làm cho:

- A. Một khoản nợ phải trả giảm xuống
- B. Một khoản nợ phải trả tăng lên
- C. Một khoản chi phí tăng lên
- D. Một khoản tài sản giảm xuống

ANSWER: A

Câu 2 -CLO1-[Dự phòng]

Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây làm phát sinh tăng một khoản nợ phải trả trong doanh nghiệp?

- A. Bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- B. Thu tiền từ một giao dịch bán chịu trước đó
- C. Mua hàng hóa đã thanh toán ngay bằng tiền tạm ứng
- D. Trả tiền ngay cho phân dịch vụ vừa mới được sử dụng

ANSWER: A

Câu 3 -CLO1-[Dự phòng]

Kế toán không được tự ý thay đổi nguyên giá của tài sản cố định trên Bảng cân đối kế toán nhằm tuân thủ nguyên tắc kế toán nào?

- A. Nguyên tắc giá gốc

- B. Nguyên tắc phù hợp
- C. Nguyên tắc thận trọng
- D. Nguyên tắc khách quan

ANSWER: A

Câu 4 -CLO1-[Dự phòng]

Việc tính toán số dư cuối kỳ sẽ không áp dụng đối với tài khoản kế toán nào sau đây?

- A. Các khoản giảm trừ doanh thu
- B. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- C. Doanh thu chưa thực hiện
- D. Chi phí trả trước

ANSWER: A

Câu 5 -CLO1-[Dự phòng]

Giả sử các doanh nghiệp sau đều áp dụng kỳ kế toán tháng, trường hợp nào sau đây làm phát sinh bút toán điều chỉnh “Doanh thu chưa thực hiện” vào cuối kỳ?

- A. Công ty FPT thu trước 12 tháng tiền cung cấp dịch vụ internet cho khách hàng
- B. Siêu thị điện máy Thiên Hòa hoàn tất dịch vụ sửa chữa máy lạnh nhưng chưa thu tiền
- C. Công ty Hòa Phát cho thuê văn phòng trong 1 năm và tiền sẽ thu khi hết hạn hợp đồng
- D. Công ty Nhà Sạch cung cấp dịch vụ vệ sinh và tiền sẽ thu vào cuối mỗi tháng

ANSWER: A

Câu 6 -CLO1- [Dự phòng]

Chi tiền thanh toán cho một hóa đơn dịch vụ của tháng trước đó sẽ làm cho:

- A. Nợ phải trả giảm, tài sản giảm
- B. Chi phí tăng, tài sản giảm
- C. Chi phí tăng, nợ phải trả tăng
- D. Nợ phải trả tăng, tài sản giảm

ANSWER: A

Câu 7 -CLO1- [Dự phòng]

Thông tin liên quan đến chi phí kinh doanh trong một kỳ kế toán có thể tìm thấy ở:

- A. Sổ cái tài khoản tạm thời hoặc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- B. Sổ cái tài khoản thường xuyên hoặc Bảng cân đối kế toán
- C. Bảng cân đối kế toán hoặc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

D. Sổ cái tài khoản tạm thời hoặc Bảng cân đối kế toán

ANSWER: A

Câu 8-CLO1- [Dự phòng]

Giá gốc của lô hàng hóa mua nhập kho sẽ không được giảm trừ trong trường hợp:

- A. Doanh nghiệp được hưởng chiết khấu do trả tiền sớm cho người bán**
- B. Doanh nghiệp trả lại một số sản phẩm bị lỗi cho người bán**
- C. Doanh nghiệp được người bán giảm giá do có một vài sản phẩm lỗi**
- D. Doanh nghiệp nhận được hóa đơn chiết khấu từ người bán do mua với số lượng nhiều**

ANSWER: A

Câu 9-CLO1-[Dự phòng]

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/11/N cho thấy chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” của công ty A là 2.500.000.000 đồng. Tình hình kinh doanh trong tháng 12/N của A như sau: tổng doanh thu bán hàng là 600.000.000 đồng, trong đó chỉ mới thu được $\frac{1}{2}$ bằng chuyển khoản còn lại cho khách hàng nợ; tổng chi phí kinh doanh là 360.000.000 đồng. Vậy chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán cuối tháng 12/N của công ty A bằng bao nhiêu?

- A. 2.740.000.000 đồng**
- B. 240.000.000 đồng**
- C. 2.440.000.000 đồng**
- D. 2.500.000.000 đồng**

ANSWER: A

Câu 10 -CLO1- [Dự phòng]

Trường hợp nào sau đây kế toán đã tuân thủ *đúng* theo các nguyên tắc kế toán Việt Nam?

- A. Mặc dù chưa nhận được tiền nhưng kế toán vẫn ghi tăng doanh thu do đã hoàn thành việc cung cấp dịch vụ trong kỳ cho khách hàng**
- B. Kế toán chỉ được phép ghi nhận doanh thu bán hàng khi đã hoàn thành việc giao hàng hóa cho bên mua và đã thu đủ tiền hàng**
- C. Kế toán có thể điều chỉnh giá trị tất cả tài sản phù hợp theo giá thị trường để đảm bảo số liệu trên báo cáo tài chính được cập nhật liên tục**

D. Trong kỳ kế toán, doanh nghiệp có thể thay đổi phương pháp tính giá hàng tồn kho sao cho phù hợp với mục tiêu lợi nhuận

ANSWER: A

PHẦN TƯ LUẬN (7.0 điểm)

Câu TL-CLO2&CLO3 - [Dự phòng]

Công ty DTK chuyên phân phối và cung cấp dịch vụ lắp đặt máy lạnh LG. Một số tài liệu có liên quan của công ty trước kỳ kế toán tháng 12/N như sau:

Tài liệu 1: Các chính sách kế toán hiện hành

- Kỳ kế toán tháng;
- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO);
- Trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng;

Tài liệu 2: Tình hình tài chính tại ngày 1/12/N

Tài khoản	Số dư (đồng)	Ghi chú
Tiền mặt	80.000.000	
Tiền gửi ngân hàng	2.500.000.000	
Hàng hóa	84.000.000	<i>Chi tiết 10 máy lạnh LG đơn giá 8.400.000 đồng/máy</i>
Công cụ dụng cụ	20.000.000	<i>2 máy hút bụi trị giá 10.000.000 đồng/máy</i>
Tài sản cố định hữu hình	720.000.000	<i>Xe tải giao hàng có thời gian sử dụng ước tính 10 năm, bắt đầu sử dụng từ ngày 1/12/N-3</i>
Hao mòn tài sản cố định	216.000.000	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.000.000.000	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	188.000.000	

Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tháng 12/N

Ngày 1: xuất kho 1 máy hút bụi ra sử dụng tại cửa hàng, thời gian phân bổ hợp lý của công cụ dụng cụ này là 5 tháng bắt đầu từ tháng này.

Ngày 5: mua một lô hàng hóa gồm 30 máy lạnh LG với đơn giá 8.600.000 đồng/máy, hàng đã nhập kho đủ, tiền hàng chưa thanh toán.

Ngày 10: xuất bán 20 máy lạnh LG cho trường học NK với đơn giá bán 15.000.000 đồng/máy, đã thu đủ bằng chuyển khoản.

Ngày 18: chuyển khoản thanh toán hết tiền hàng mua ngày 5/12/N.

Ngày 28: chuyển khoản thanh toán lương tháng 12/N cho nhân viên bán hàng là 24.000.000 đồng và cho bộ phận văn phòng là 46.000.000 đồng.

Ngày 30: nhận được hóa đơn dịch vụ tháng 12/N nhưng chưa thanh toán, bao gồm: tiền điện 6.000.000 đồng, nước 3.000.000 đồng và Internet 3.000.000 đồng; kế toán phân bổ 1 nửa chi phí cho cửa hàng, còn lại cho bộ phận văn phòng.

Yêu cầu:

- (i) Ghi sổ nhật ký (định khoản) nghiệp vụ phát sinh trong tháng 12/N **(3.5 điểm)**
- (ii) Thực hiện bút toán điều chỉnh để trích khấu hao tài sản cố định (xe tải giao hàng) và phân bổ công cụ dụng cụ (máy hút bụi) sử dụng cho kỳ kế toán tháng 12/N **(1 điểm)**
- (iii) Thực hiện bút toán khóa sổ vào cuối tháng 12/N **(1.5 điểm)**
- (iv) Lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tháng 12/N tại công ty DTK theo mẫu bên dưới, biết công ty đang trong giai đoạn được miễn thuế TNDN **(1 điểm)**

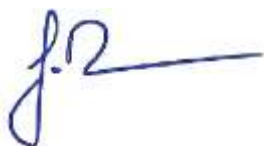
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
CÔNG TY DTK	
KỲ: THÁNG 12 NĂM N	
<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số tiền</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
2. Các khoản giảm trừ doanh thu
3. <i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>
4. Giá vốn hàng bán
5. Lợi nhuận gộp
6. Doanh thu hoạt động tài chính	-
7. Chi phí tài chính	-
8. <i>Lợi nhuận tài chính</i>	-
9. Chi phí bán hàng
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp
11. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>
12. Thu nhập khác	-
13. Chi phí khác	-
14. <i>Lợi nhuận khác</i>	-
15. <i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-
17. Lợi nhuận ròng sau thuế

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú																																	
I. Trắc nghiệm		3.0																																		
Câu 1 đến câu 10	Đáp án A	0.3 điểm/câu																																		
II. Tự luận (Random 1 trong 2 câu)		7.0																																		
Câu TLI	<p>(i) Định khoản</p> <p>Ngày 1:</p> <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%;">Nợ TK 242</td> <td style="width: 20%; text-align: right;">10.000.000</td> <td style="width: 60%;"></td> </tr> <tr> <td style="padding-left: 40px;">Có TK 153</td> <td style="text-align: right;">10.000.000</td> <td></td> </tr> </table> <p>Ngày 5:</p> <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%;">Nợ TK 156</td> <td style="width: 20%; text-align: right;">258.000.000</td> <td style="width: 60%;"></td> </tr> <tr> <td style="padding-left: 40px;">Có TK 331</td> <td style="text-align: right;">258.000.000</td> <td></td> </tr> </table> <p>Ngày 10:</p> <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%;">Nợ TK 632</td> <td style="width: 20%; text-align: right;">170.000.000</td> <td style="width: 60%;"></td> </tr> <tr> <td style="padding-left: 40px;">Có TK 156</td> <td style="text-align: right;">170.000.000 (=8.400.000 x 10+8.600.000x10)</td> <td></td> </tr> </table> <p>Ngày 18:</p> <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%;">Nợ TK 331</td> <td style="width: 20%; text-align: right;">258.000.000</td> <td style="width: 60%;"></td> </tr> <tr> <td style="padding-left: 40px;">Có TK 112</td> <td style="text-align: right;">258.000.000</td> <td></td> </tr> </table> <p>Ngày 28:</p> <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%;">Nợ TK 641</td> <td style="width: 20%; text-align: right;">24.000.000</td> <td style="width: 60%;"></td> </tr> <tr> <td style="padding-left: 40px;">Nợ TK 642</td> <td style="text-align: right;">46.000.000</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="padding-left: 80px;">Có TK 112</td> <td style="text-align: right;">70.000.000</td> <td></td> </tr> </table> <p>Ngày 30:</p>	Nợ TK 242	10.000.000		Có TK 153	10.000.000		Nợ TK 156	258.000.000		Có TK 331	258.000.000		Nợ TK 632	170.000.000		Có TK 156	170.000.000 (=8.400.000 x 10+8.600.000x10)		Nợ TK 331	258.000.000		Có TK 112	258.000.000		Nợ TK 641	24.000.000		Nợ TK 642	46.000.000		Có TK 112	70.000.000		<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>	
Nợ TK 242	10.000.000																																			
Có TK 153	10.000.000																																			
Nợ TK 156	258.000.000																																			
Có TK 331	258.000.000																																			
Nợ TK 632	170.000.000																																			
Có TK 156	170.000.000 (=8.400.000 x 10+8.600.000x10)																																			
Nợ TK 331	258.000.000																																			
Có TK 112	258.000.000																																			
Nợ TK 641	24.000.000																																			
Nợ TK 642	46.000.000																																			
Có TK 112	70.000.000																																			

Nợ TK 641	6.000.000		
Nợ TK 642	6.000.000		0.5
Có TK 331		12.000.000	
(ii) Bút toán điều chỉnh			0.5
(Đ1) Phân bổ CCDC			
Nợ TK 641	2.000.000		0.5
Có TK 242		2.000.000	
(=10.000.000/5 kỳ)			
(Đ2) Khấu hao tài sản cố định			1.0
Nợ TK 641	6.000.000		
Có TK 214		6.000.000	
(iii) Khóa sổ			
(K1) Nợ TK 511	300.000.000		
Có TK 911		300.000.000	
(K2) Nợ TK 911	260.000.000		
Có TK 632	170.000.000		
Có TK 641	38.000.000	(24tr+6tr+2tr+6tr)	
Có TK 642	52.000.000	(46trr+6tr)	
(K3) Nợ TK 911	40.000.000		
Có TK 421		40.000.000	
(iv) Báo cáo kết quả kinh doanh (0.1 điểm/chỉ tiêu)			
Chỉ tiêu (1) 300.000.000; (2) 0; (3) 300.000.000; (4) 170.000.000; (5) 130.000.000; (9) 38.000.000; (10) 52.000.000; (11) 40.000.000; (15)40.000.000; (17) 40.000.000			
Điểm tổng			10.0

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ



ThS. Phan Minh Nguyệt

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2024

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ

